

TCH

HOSE

Vốn hóa
tỷ
18,590

GTGD
tỷ/ngày
143.6

P/E
24.7

P/B
2.0

Cổ tức
0.0%

Giá
21.4

TCRating
2.8 /5

NDTNN %
0

Bất Động Sản
ĐC: 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân,
Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam
Nhà nước: 0% SL CĐ 0

Ngàn VND

Giá cổ phiếu dài hạn

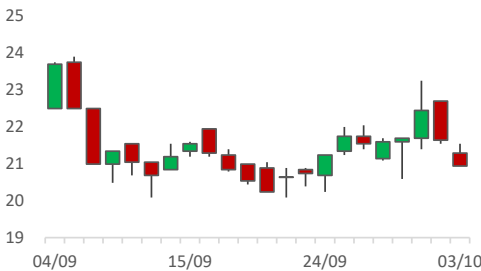
— Giá — VNIndex 120 per. Mov. Avg. (Giá)



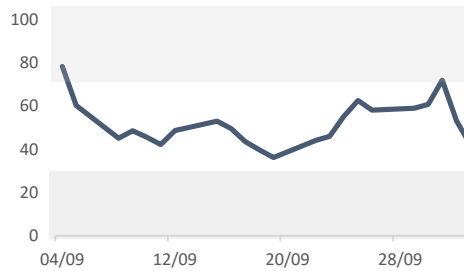
Giá cổ phiếu 1 năm



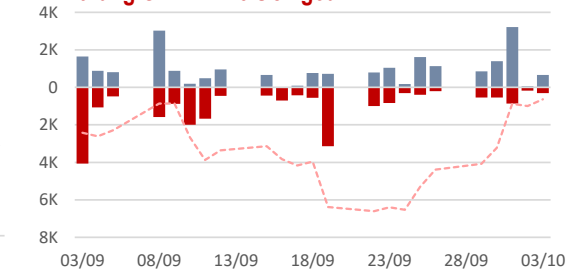
1-tháng candle stick



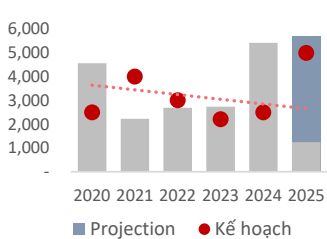
1-tháng RSI



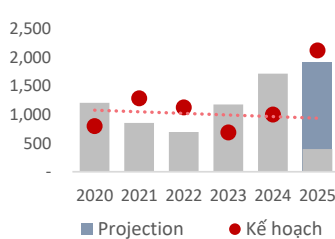
1-tháng GD NĐT nước ngoài



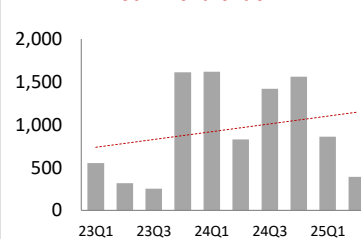
Doanh thu



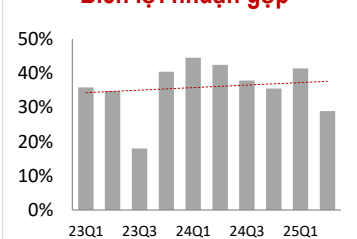
LN trước thuế



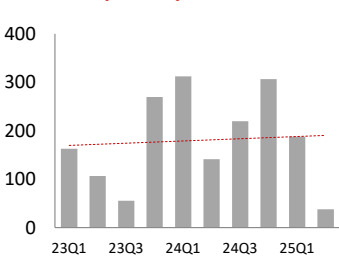
Doanh thu thuần



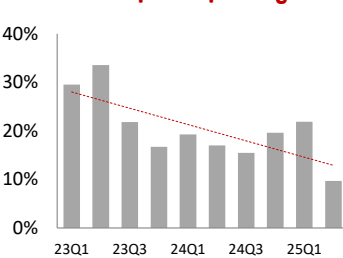
Biên lợi nhuận gộp



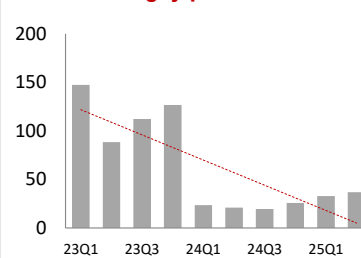
Lợi nhuận sau thuế



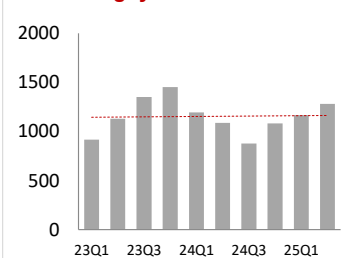
Biên lợi nhuận ròng



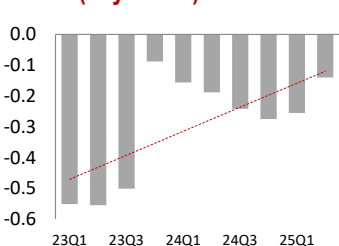
Ngày phải thu



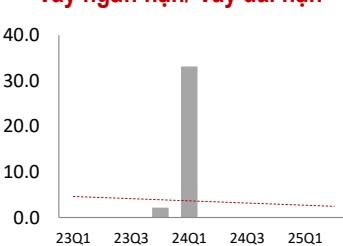
Ngày tồn kho



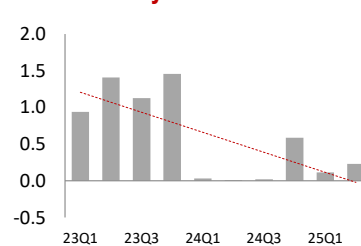
(Vay - Tiền) / VCSH



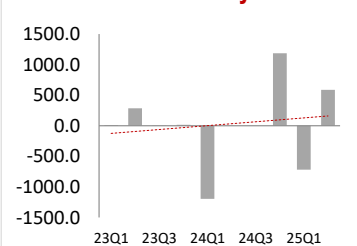
Vay ngắn hạn/ Vay dài hạn



Vay/EBITDA



EBIT/Lãi vay



TCH	HOSE	Vốn hóa tỷ	GTGD tỷ/ngày	P/E	P/B	Giá	1Y Hi/Lo	TCRating	NĐTNN %	Bất Động Sản
ĐT DV Tài chính Hoàng Huy		18,590	143.6	24.7	2.0	21.4	24.2 -- 11.6	2.8 /5	0	Ngày cập nhật :01/10/2025

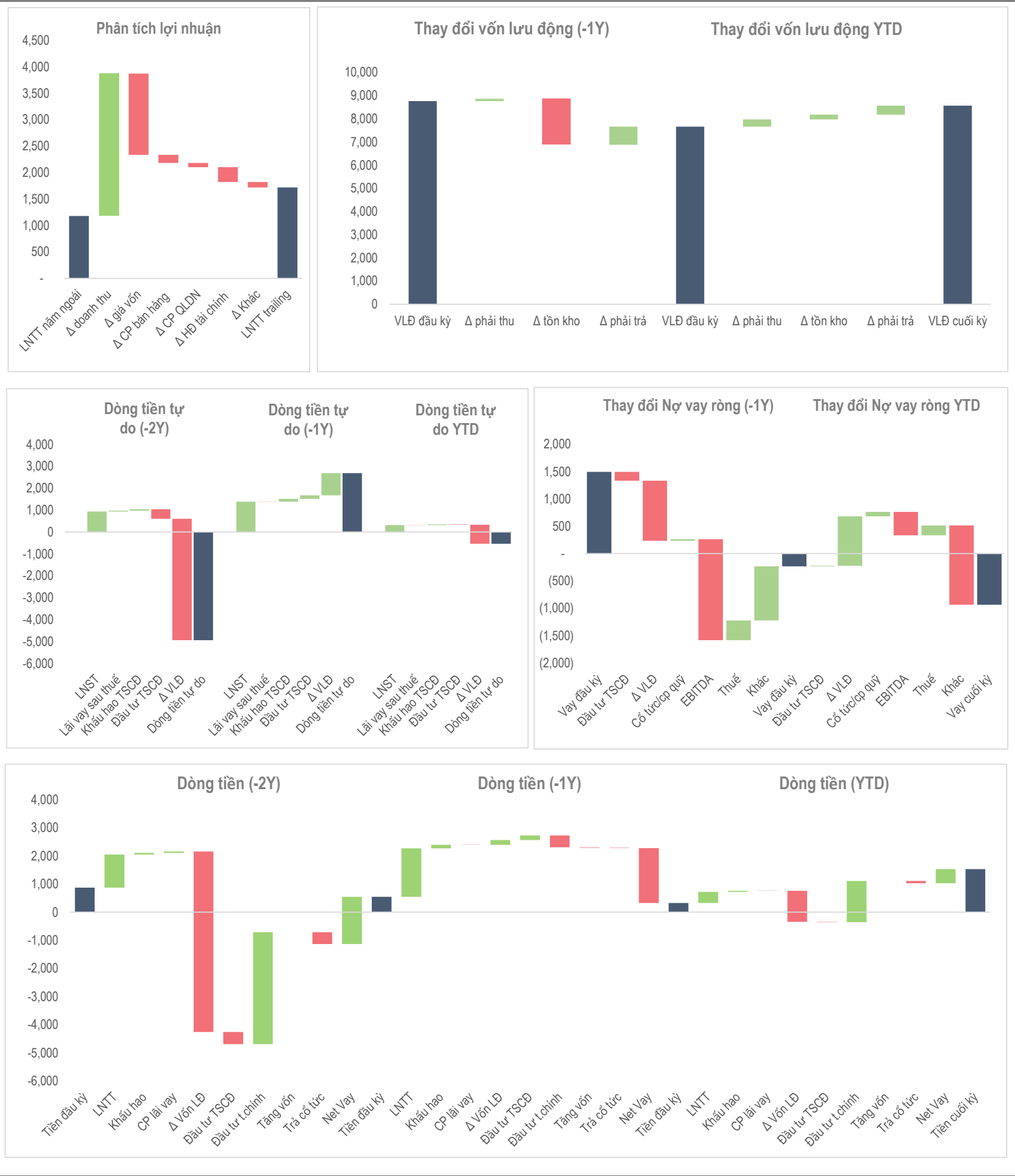
CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) có tiền thân là Cty TNHH Thương mại Hoàng Huy, được thành lập vào tháng 10/1995. TCH chuyên hoạt động trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản và lắp ráp phân phối xe ô tô đầu kéo. TCH hiện đang là nhà phân phối chính hãng xe tải thương hiệu International của hãng Navistar (Hoa Kỳ) và các dòng xe Dongfeng (Trung Quốc) tại thị trường Việt Nam. Cty đã xây dựng hệ thống phân phối xe tải với hơn 25 đại lý trên toàn quốc. Trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản, TCH đã triển khai thực hiện nhiều dự án quy mô lớn như Hoàng Huy Commerce, Hoàng Huy New City, Hoàng Huy Green River, TCH được giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) từ năm 2016.

Năm - VNDbn	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	Ng. chốt	Năm	Cổ tức	Đợt
SL Cổ phiếu (tr)	363	619	668	668	668	668	668	668	668	668	31/08/2023	2023	5%	Đợt 1
PE	10.8	32.5	27.4	16.6	11.6	18.5	16.2	15.5	14.8	13.8	01/12/2022	2022	12%	Đợt 1
EPS (đ/cp)	1,046	550	206	684	1,128	1,155	1,319	1,384	1,447	1,546	22/07/2022	2021	3%	Cả năm
PB	2.0	1.8	0.6	1.1	1.2	1.8	1.6	1.4	1.3	1.2	29/12/2020	2020	5%	Đợt 1
BVPS (đ/cp)	5,669	10,185	9,213	9,889	11,007	12,162	13,480	14,864	16,312	17,858	22/11/2019	2019	5%	Đợt 1
EV/EBITDA	10.7	19.9	21.1	16.4	8.1	10.7	10.2	9.6	9.2	8.7	09/07/2020	2019	6%	Đợt 2
ROE	18%	7%	2%	7%	11%	10%	10%	10%	9%	9%	05/07/2019	2018	7%	Cả năm
Biên LN gộp	25%	32%	19%	37%	40%	40%	40%	40%	40%	40%	Vị thế doanh nghiệp Trong lĩnh vực sản xuất, lắp ráp và phân phối xe tải, cty là nhà phân phối chính hãng xe tải thương hiệu International của hãng Navistar (Hoa Kỳ) tại thị trường Việt Nam, bên cạnh đó, cty cũng phân phối các dòng xe chính hãng Dongfeng (Trung Quốc) thông qua cty con. TCH hiện đang phân phối các sản phẩm thông qua hơn 25 đại lý tại các tỉnh, thành phố bao gồm: Hải Phòng, Hà Nội, Hải Dương, Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Ninh Thuận, Vũng Tàu, Đồng Nai, KonTum, Gia Lai, Bình Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Cty cũng có Showroom ô tô tại số 682 Nguyễn Văn Linh, Hải Phòng và Trạm nâng cấp phần mềm xử lý khí thải xe đầu kéo Mỹ International tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng. Trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản, TCH đã triển khai thực hiện từ các dự án quy mô vừa như PruKa Town, Hoàng Huy Riverside, Hoàng Huy Mall, Hoàng Huy Grand Tower, Golden Land Building, ... cho đến các dự án lớn lên đến 5.000 tỷ đồng như Hoàng Huy Commerce, Hoàng Huy New City, Hoàng Huy Green River,			
Biên LN hoạt động	22%	26%	14%	28%	31%	31%	31%	31%	31%	31%				
Biên LN ròng	20%	21%	7%	22%	18%	18%	19%	19%	19%	19%				
Doanh thu/Tài sản	0.4	0.2	0.2	0.2	0.3	0.3	0.3	0.3	0.3	0.3				
(Vay - Tiền)/VCSH	-0.6	-0.6	-0.6	-0.1	-0.3	-0.4	-0.4	-0.4	-0.4	-0.5				
Vay NH/Vay DH		0.3	0.6	2.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0				
EBIT/Lãi vay	8.9	21.0	5.1	15.3	#####	-405,088.3	-425,342.8	-446,609.9	-468,940.4	-492,387.4				
Vay/EBITDA	1.0	1.2	1.0	1.5	0.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0				
Ngày phải thu	97	170	170	127	26	34	34	34	34	34				
Ngày tồn kho	215	647	539	1,451	1,081	947	947	947	947	947				
Capex/TSCĐ	-112%	0%	1%	27%	-7%	13%	16%	7%	12%	12%				
Doanh thu thuần	4,566	2,224	2,694	2,736	5,427	5,699	5,984	6,283	6,597	6,927				
% tăng trưởng		-51%	21%	2%	98%	5%	5%	5%	5%	5%				
EBITDA	1,021	609	435	824	1,817	1,915	2,021	2,130	2,241	2,360				
Lợi nhuận sau thuế	909	477	179	594	980	1,003	1,145	1,202	1,257	1,343				
% tăng trưởng		-47%	-63%	233%	65%	2%	14%	5%	5%	7%				
Tiền & ĐT NH	5,967	8,338	7,169	3,094	3,737	5,709	6,335	7,204	8,002	8,875				
Phải thu KH	1,218	858	1,649	252	514	540	567	595	625	656				
Hàng tồn kho	2,030	3,352	3,097	10,658	8,676	9,110	9,565	10,044	10,546	11,073				
Tổng tài sản	10,990	14,355	14,311	16,776	15,349	17,918	19,241	20,629	22,082	23,631				
Vay ngắn hạn	986	109	138	1,398	0	0	0	0	0	0				
Vay dài hạn	0	412	226	641	90	90	90	90	90	90				
Tổng vay	986	522	364	2,040	90	90	90	90	90	90				
Tổng nợ	2,687	2,170	2,865	4,829	2,072	3,638	3,815	4,002	4,197	4,403				
Vốn CSH	8,303	12,185	11,446	11,946	13,277	14,280	15,426	16,628	17,885	19,228				
Cân đối vốn TDH	7,802	11,334	10,259	10,443	11,384	12,272	13,226	14,439	15,599	16,852				
Free CashFlow	326	304	308	-5,196	2,220	2,380	1,092	1,358	1,309	1,419				

Cổ đông lớn	Công ty con	Peers	Vốn hóa	PE	PB	ROE	BiênLNR	Vay/VSH	Div.Yld%
ĐỖ HỮU HẠ (30.2%)	(38%) CT cổ phần Tập đoàn Bất động sản	TCH	18,590	24.7	2.0	8%	18%	0.0	0%
CỔ PHẦN HH FINANCE (5.8%)	(58%) ĐTDịch vụ Hoàng Huy	Top 100	33,508	17.1	1.9	12%	20%	1.5	0%
Nguyễn Thị Hà (4.9%)	(100%) CT Cổ Phần Đầu Tư Tô Hiệu	Ngành	32,632	30.2	1.7	21%	30%	0.5	0%
Nguyễn Thị Hà (4.9%)	(96%) CT Cổ Phần Xây Dựng Địa Ốc T	VIC	680,057	52.0	4.7	10%	3%	5.0	0%
Trần Thị Hoàng Hà (3.5%)	(96%) CT Cổ Phần Xây Dựng Thịnh Hi	VHM	410,741	14.3	1.9	15%	34%	1.8	0%
estments Holdings Limited (1.5%)	(60%) CT CP Phát Triển Nhà Đại Lộc	VRE	74,418	16.9	1.7	10%	52%	0.3	0%
Khác (49.3%)	(48%) CT Cổ Phần Đầu Tư Dịch Vụ Ho	BCM	68,724	18.9	3.3	18%	48%	1.7	0%

TCH	HOSE	Vốn hóa tỷ	GTGD tỷ/ngày	P/E	P/B	Giá	1Y Hi/Lo	TCRating	NĐTNN %	Bất Động Sản			
ĐT DV Tài chính Hoàng Huy		18,590	143.6	24.7	2.0	21.4	24.2 -- 11.6	2.8 /s	0	https://www.hoanghuy.vn			
										Năm TL	2023	SL NV	275
Quý - VNDbn	2023Q1	2023Q2	2023Q3	2023Q4	2024Q1	2024Q2	2024Q3	2024Q4	2025Q1	2025Q2	Tên & chức vụ		Sở hữu
Thông số cơ bản											ĐỖ HỮU HẠ		39.2%
Biên LN gộp	36%	35%	18%	40%	45%	42%	38%	35%	41%	29%	Đỗ Hữu Hậu (PTổng Giám đốc)		0.0%
Biên LN hoạt động	28%	25%	4%	32%	36%	32%	27%	29%	32%	14%	Đỗ Hữu Hưng (TV HĐQT)		0.5%
Biên LN ròng	30%	34%	22%	17%	19%	17%	15%	20%	22%	10%	Đỗ Hữu Hưng (PTổng Giám đốc)		0.5%
ROE	3%	3%	5%	7%	9%	9%	11%	11%	9%	8%	Nguyễn Thị Hà		6.4%
(Vay - Tiền)/VCSH	-0.6	-0.6	-0.5	-0.1	-0.2	-0.2	-0.2	-0.3	-0.3	-0.1	Phùng Thị Thu Hương (KT trưởng)		0.0%
Tổng nợ/VCSH	0.2	0.2	0.3	0.4	0.2	0.2	0.2	0.2	0.1	0.2	Nguyễn Thị Hà		4.9%
Vay NH/Vay DH				2.2	33.2			0.0	0.0	0.0	Vũ Trọng Long (TV HĐQT)		0.0%
EBIT/Lãi vay	10.2	286.2	2.9	16.7	-1196.5			1186.6	-716.2	585.6	Vũ Trọng Long (TV HĐQT ĐL)		0.0%
Vay/EBITDA	0.9	1.4	1.1	1.5	0.0	0.0	0.0	0.6	0.1	0.2	Vũ Trọng Long (TBan Kiểm toán n		0.0%
Tài sản NH/Nợ Nhận	5.1	4.7	4.1	3.6	6.0	5.5	5.6	7.1	8.9	8.1	Cty kiểm toán		Năm
Ngày phải thu	147	88	112	127	23	21	20	26	33	37	HĂNG KT AASC		2023
Ngày tồn kho	917	1131	1353	1451	1195	1088	877	1081	1166	1281	HĂNG KT AASC		2021
Capex/Doanh thu	47%	0%	1%	10%	-10%	10%	-5%	0%	1%	3%	HĂNG KT AASC		2020
Cân đối vốn TDH	9,886	10,001	9,738	10,443	10,356	10,590	10,899	11,384	11,773	10,816			
Kết quả kinh doanh											Tin tức		
Doanh thu thuần	552	317	254	1,613	1,619	828	1,419	1,561	859	390	*03/10/25-Báo cáo về ngày trở thành cổ đông lớn của nhóm NĐTNN CLQ		
QoQ %		-43%	-20%	535%	0%	-49%	71%	10%	-45%	-55%	*30/09/25-Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20		
YoY %					193%	161%	458%	-3%	-47%	-53%	*26/09/25-Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành		
Giá vốn bán hàng	-354	-207	-208	-961	-898	-477	-882	-1,007	-503	-278	*26/09/25-Điều lệ công ty sửa đổi ban hành tháng 09/2025		
Lợi nhuận gộp	198	110	46	652	721	351	536	554	355	113	*26/09/25-Nghị quyết HĐQT thông qua kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2025		
Chi phí hoạt động	-41	-32	-36	-130	-140	-85	-152	-96	-79	-58	*26/09/25-Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2025		
LN hoạt động KD	157	78	9	522	581	266	384	458	276	55	*25/09/25-Nghị quyết HĐQT về việc xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết		
Chi phí lãi vay	15	0	3	31	0	0	0	0	0	0	*17/09/25-Thông báo ký hợp đồng kiểm toán BCTC 2025		
LN trước thuế	263	211	123	582	617	291	328	483	320	78	*12/09/25-Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và Người có liên quan		
LN sau thuế	163	106	56	270	312	141	220	307	188	38	*05/09/25-Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan		
QoQ %		-35%	-48%	386%	16%	-55%	56%	40%	-39%	-80%	*29/08/25-Vợ ông Đỗ Hữu Hạ đăng ký mua 9,8 triệu cổ phiếu trong đợt phát hành thêm		
YoY %					92%	33%	296%	14%	-40%	-73%	Giao dịch CĐ nội bộ		
Bảng cân đối kế toán											*11/09/25-CĐNB mua 1,970,794cp		
Tài sản ngắn hạn	12,286	12,705	12,883	14,500	12,442	12,927	13,267	13,264	13,261	12,333	*11/09/25-CĐ/NLQ CĐ sáng lập mua		
Tiền & tương đương	363	416	658	544	486	237	347	324	1,268	1,528	*05/09/25-CĐNB mua 759,577cp		
Đầu tư ngắn hạn	6,108	6,162	5,187	2,551	1,483	2,146	2,774	3,413	2,470	759	*05/09/25-CĐNB mua 1,215,324cp		
Phải thu KH	169	172	187	252	318	325	401	514	522	528	*13/10/21-CĐNB mua 14,076,500cp		
Hàng tồn kho	5,058	5,309	6,088	10,658	9,837	9,862	9,375	8,676	8,498	8,878	*24/12/20-CĐNB mua 5,500,000cp		
Tài sản dài hạn	1,890	1,920	1,868	2,275	2,183	2,165	2,098	2,084	2,071	2,147	*13/10/20-CĐNB mua 200,000cp		
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0	*01/10/20-CĐNB bán 18,150,000cp		
Tài sản cố định	171	171	169	297	356	359	360	358	355	352	*01/10/20-CĐNB mua 18,000,000cp		
Tổng tài sản	14,176	14,625	14,751	16,776	14,625	15,091	15,365	15,349	15,332	14,480			
Tổng nợ	2,520	2,816	3,252	4,829	2,191	2,436	2,468	2,072	1,883	2,360			
Vay & nợ ngắn hạn	44	26	79	1,398	33	0	0	0	1	2			
Phải trả người bán	248	266	316	277	311	477	653	748	663	526			
Vay & nợ dài hạn	0	0	0	641	1	0	0	90	303	589			
Vốn chủ sở hữu	11,656	11,809	11,499	11,946	12,434	12,656	12,897	13,277	13,449	12,119			
Vốn điều lệ	6,682	6,682	6,682	6,682	6,682	6,682	6,682	6,682	6,682	6,682			
Lưu chuyển tiền tệ													
Từ HĐ Kinh doanh	-220	39	-536	-4,411	368	436	736	479	-178	-489			
Từ HĐ Đầu tư	35	32	1,134	2,348	1,608	-580	-634	-591	990	462			
Vay cho WC (=I+R-P)	4,979	5,214	5,959	10,633	9,844	9,710	9,123	8,442	8,358	8,880			
Capex	261	0	3	166	-155	85	-74	7	8	11			

TCH	HOSE	Vốn hóa	GTGD	P/E	P/B	Giá	1Y Hi/Lo	TCRating	NĐTNN %	Bất Động Sản		
		tỷ	tỷ/ngày				24.2			ĐC: 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Thành		
		18,590	143.6	24.7	2.0	21.4	--	2.8 /5	0	Phố Hải Phòng, Việt Nam		
ĐT DV Tài chính Hoàng Huy							11.6			Nhà nước:	0%	SL CD 0

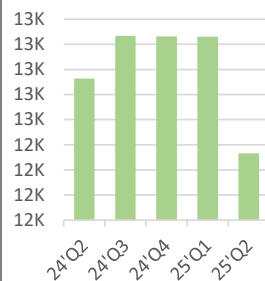


TCH	HOSE	Vốn hóa	GTGD	P/E	P/B	Giá	1Y Hi/Lo	TCRating	NBTNN %	Bất Động Sản		
		tỷ	tỷ/ngày				24.2			ĐC: 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Thành		
		18,590	143.6	24.7	2.0	21.4	-- 11.6	2.8 /5	0	Phố Hải Phòng, Việt Nam		
ĐT DV Tài chính Hoàng Huy										Nhà nước:	0%	SL CĐ 0

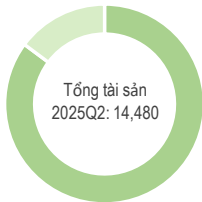
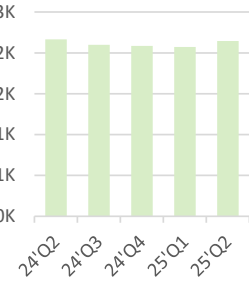
Tỷ trọng tài sản

Đơn vị: tỷ đồng

Tài sản ngắn hạn



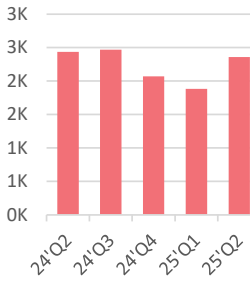
Tài sản dài hạn



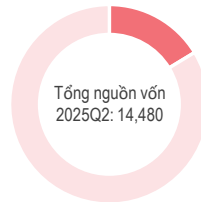
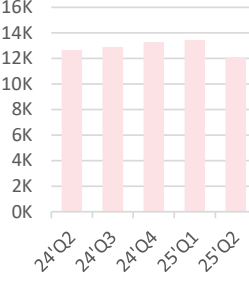
Tỷ trọng nguồn vốn

Đơn vị: tỷ đồng

Nợ phải trả

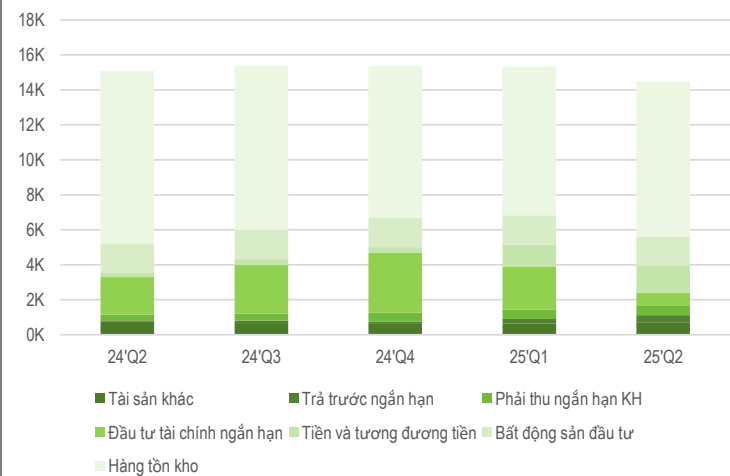


Vốn chủ sở hữu



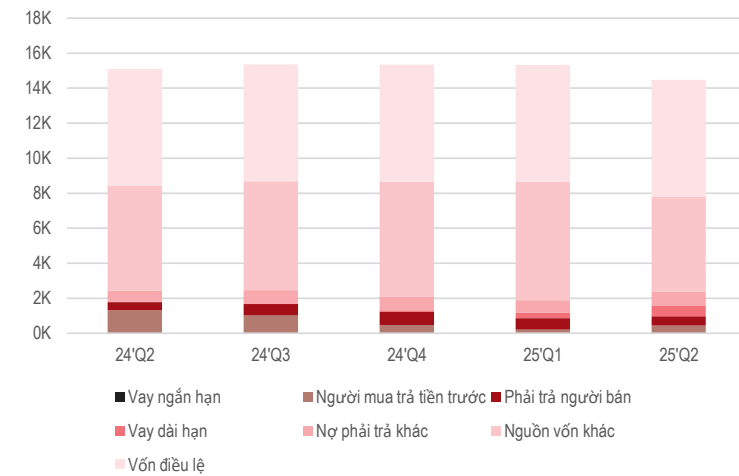
Cấu trúc tài sản

Đơn vị: tỷ đồng

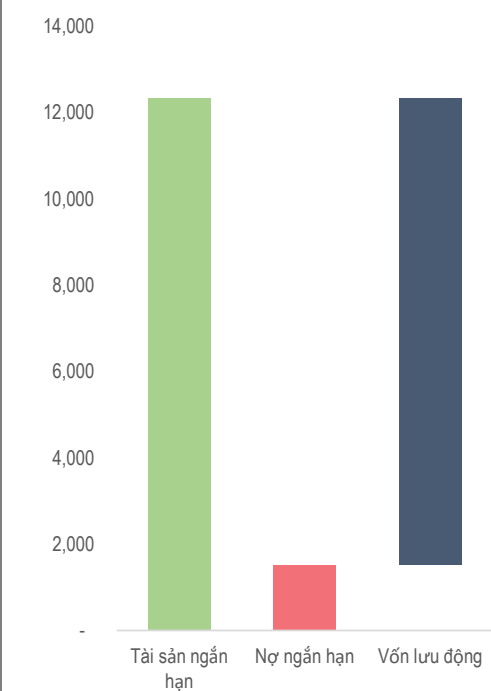


Cấu trúc nguồn vốn

Đơn vị: tỷ đồng



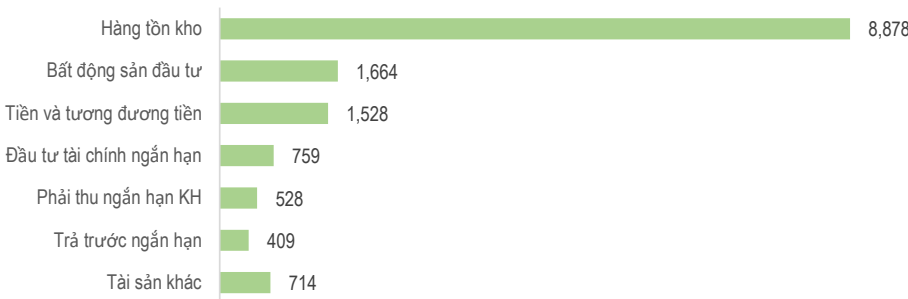
Vốn lưu động



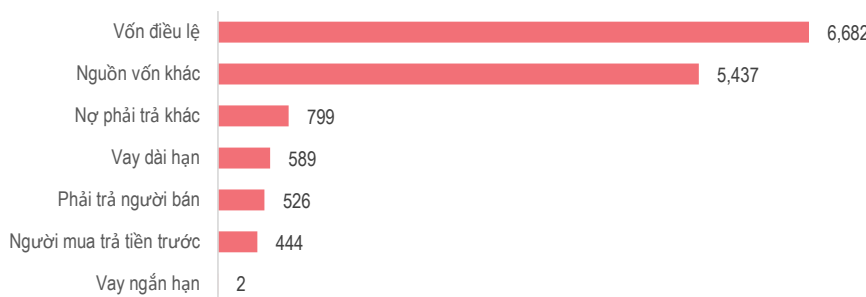
Đơn vị: tỷ đồng

Cấu trúc bảng cân đối kế toán

Tài sản



Nguồn vốn



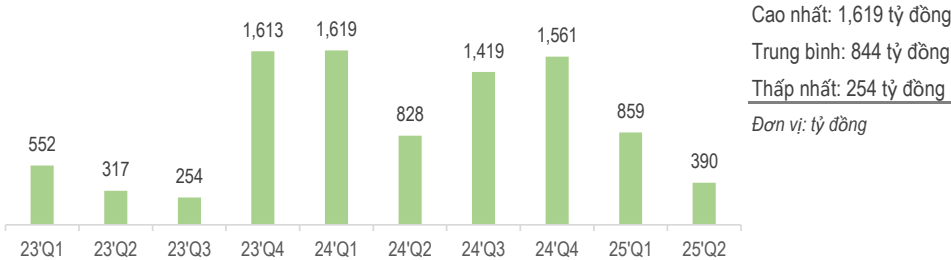
Đơn vị: tỷ đồng

TCH	HOSE	GTGD	P/E	P/B	Giá	1Y Hi/Lo	TCRating	NĐTNN %	Bất Động Sản			
		Vốn hóa tỷ	tỷ/ngày						ĐC: 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Thành			
		18,590	143.6	24.7	2.0	21.4	24.2 -- 11.6	2.8 /5	0	Phố Hải Phòng, Việt Nam		
ĐT DV Tài chính Hoàng Huy									Nhà nước:	0%	SL CD	0

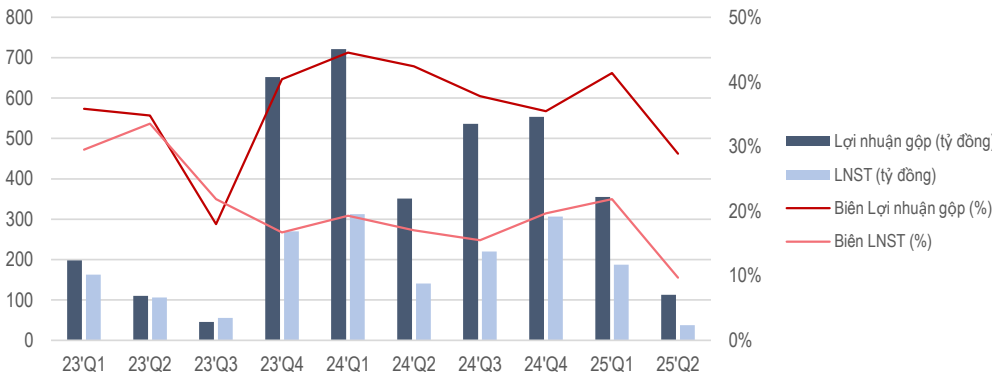
Kết quả kinh doanh lũy kế năm 2025

	Đơn vị: tỷ đồng	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	1,249	▼ -49.0%
Lợi nhuận gộp	468	▼ -56.3%
EBITDA	364	▼ -59.1%
Lợi nhuận hoạt động	332	▼ -60.9%
Lợi nhuận sau thuế	226	▼ -50.2%

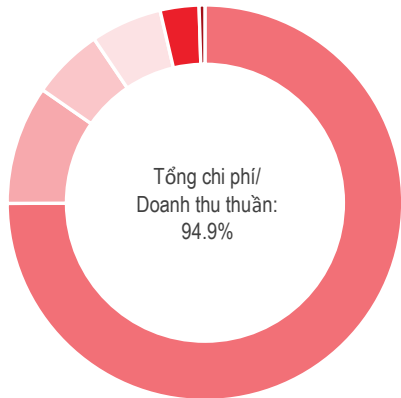
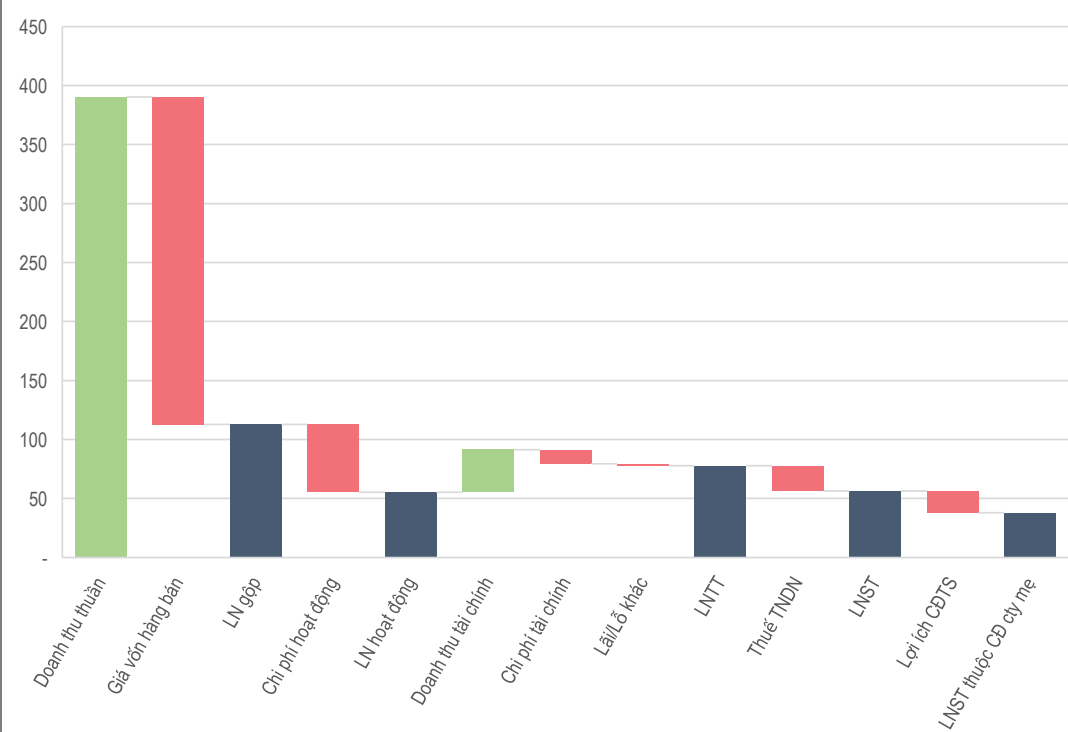
Doanh thu thuần



Hiệu quả kinh doanh



Kết quả kinh doanh quý gần nhất



- Giá vốn hàng bán
- CP bán hàng
- CP quản lý
- Thuế TNDN
- CP tài chính
- CP khác

Đơn vị: tỷ đồng

TCH		HOSE	Vốn hóa tỷ	GTGD tỷ/ngày	P/E	P/B	Giá	1Y Hi/Lo	TCRating	NDTNN %	Bất Động Sản			
											ĐC: 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam			
ĐT DV Tài chính Hoàng Huy			18,590	143.6	24.7	2.0	21.4	24.2 - 11.6	2.8 /5	0	Nhà nước:	0%	SL CĐ	0

Xếp hạng doanh nghiệp (TCRating)

	TCH	Ngành
Thay đổi giá 3 tháng	6.3%	2.8%
Thay đổi giá 1 năm	-4.8%	32.3%
Beta	-0.3	0.2
Alpha	0.0%	0.1%

Mô hình KD

Sức mạnh giá (RS)

Hiệu quả hoạt động

Sức khỏe tài chính

Định giá

Phân tích kỹ thuật

TCH

Ngành

Mô hình kinh doanh	0		3.3	Định giá	3.3		2.8
Hiệu quả hoạt động	1.4		2.4	Phân tích kỹ thuật	0		1.2
Sức khỏe tài chính	3.8		3.7	Sức mạnh giá (RS)	0		2.6

Chỉ số định giá

Định giá P/E (lần)

TCH

Ngành (Bất Động Sản)

VNIndex

Định giá P/B (lần)

TCH

Ngành (Bất Động Sản)

VNIndex

Định giá theo chỉ số cơ bản

		P/E	P/B	EV/EBITDA
Thị trường	VNIndex	14.6	1.8	20.4
Ngành	Bất Động Sản	17.8	1.7	9.7
Top 5	GAS	15.1	2.6	10.2
	REE	17.1	1.8	11.6
	POW	24.4	1.0	10.4
	DNH	23.9	4.1	16.1
	VSH	27.9	2.7	11.0
Hệ số trung bình (lần)		23.9	2.6	11.0
Tài chính công ty (đồng)		(685)	18,068	603
Giá trị CP theo từng p.p định giá (đồng)		(16,372)	46,977	6,633
Giá trị cổ phiếu (đồng)		18,619		

So sánh doanh nghiệp cùng ngành

Mã	Đánh giá	Giá	%	VNI 1M	KLGD	Beta	P/E
GAS	2.6	67,800	0.9%	-4%	.2M	0.6	15.1
REE	3.1	73,100	0.8%	-4%	.3M	1.2	17.1
POW	2.9	13,050	0.0%	4%	2.1M	1.3	24.4
PGV	2.2	19,800	-0.3%	-3%	.0M	0.7	-24.8
DNH	2.9	50,200	0.0%	13%	.0M	0.0	23.9
VSH	2.8	53,000	0.0%	-2%	.0M	0.0	27.9
BWE	2.5	44,700	0.2%	-3%	.0M	0.7	15.4
DTK	2.8	13,300	2.3%	0%	.0M	0.1	13.1
HND	2.6	12,900	0.8%	-1%	.0M	0.2	15.2
QTP	2.7	14,000	0.7%	-3%	.0M	0.2	9.6

TCH	HOSE	Vốn hóa tỷ	GTGD tỷ/ngày	P/E	P/B	Giá	1Y Hi/Lo	TCRating	NĐTNN %	Bất Động Sản	
										ĐC: 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam	
										Nhà nước: 0%	SL CĐ 0

ĐT DV Tài chính Hoàng Huy

18,590

143.6

24.7

2.0

21.4

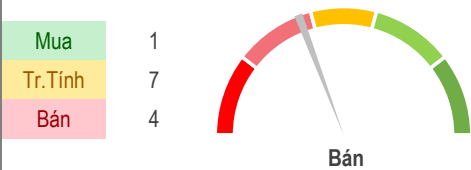
24.2
--
11.6

2.8 /s

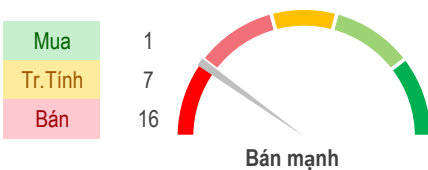
0

Tổng hợp các tín hiệu kỹ thuật, theo từng khung thời gian, bảng dưới đây giúp nhà đầu tư nhanh chóng nhận diện trạng thái lực cung (bán) và cầu (mua) hiện tại đối với cổ phiếu đang xem: Mua mạnh, Mua, Trung tính, Bán hoặc Bán mạnh.

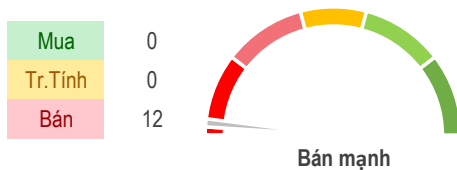
Tín hiệu kỹ thuật



Tổng hợp



Các đường trung bình động



Tín hiệu kỹ thuật

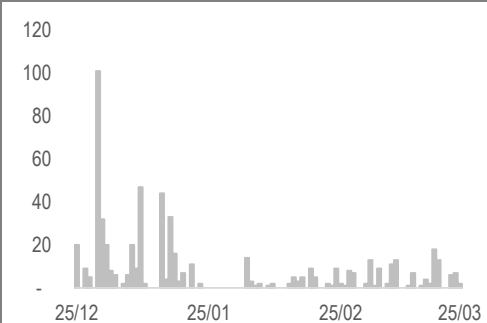
Tên	Giá trị	Lực M/B
RSI	45.0	Tr.Tính
STOCHK	80.0	Tr.Tính
STOCHRSI_FASTK	-	Bán
MACD	(0.1)	Bán
MACD Histogram	(0.1)	Bán
ADX	22.9	Tr.Tính

Tên	Giá trị	Lực M/B
WPR	(20.0)	Tr.Tính
CCI	(30.3)	Tr.Tính
ROC	(1.7)	Tr.Tính
SAR	11.9	Bán
ULTOSC	79.7	Mua
BB WIDTH	0.1	Tr.Tính

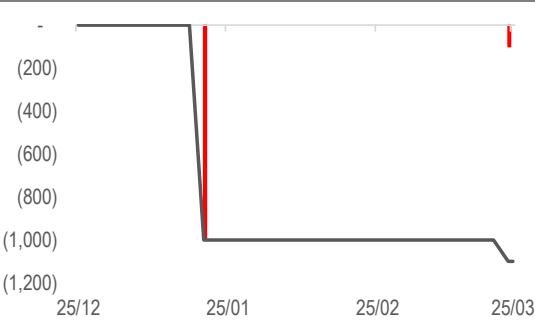
Các đường trung bình động

Tên	Hàm đơn	Hàm mũ
MA5	11.9	Bán
MA10	11.9	Bán
MA20	11.9	Bán
MA50	12.2	Bán
MA100	12.0	Bán
MA200	12.2	Bán

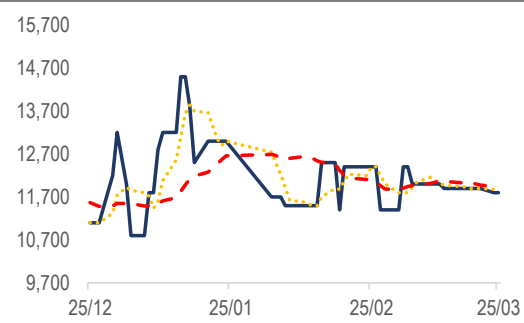
Số lượng NĐT quan tâm



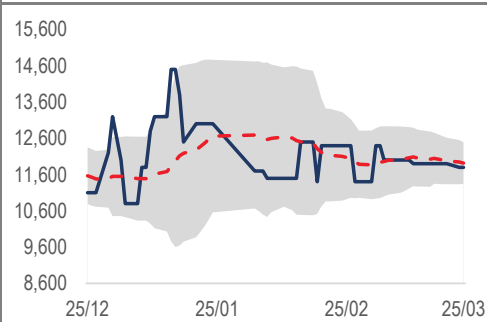
Giao dịch nước ngoài



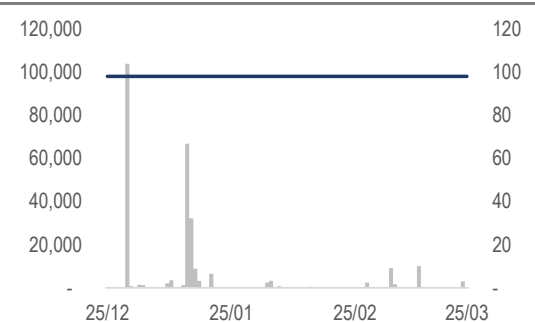
Giá vs MA(5) & MA(20)



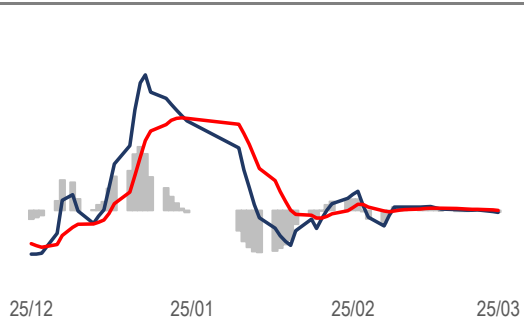
Giá vs Bollinger Band



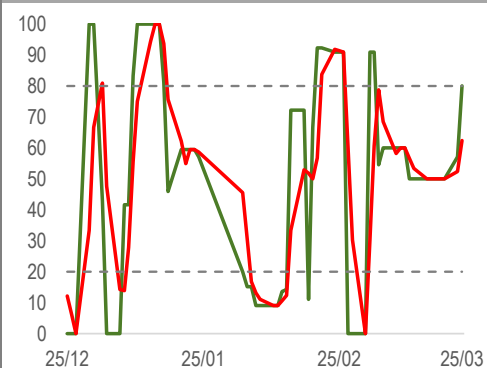
Sức mạnh giá (RS) & KLGD



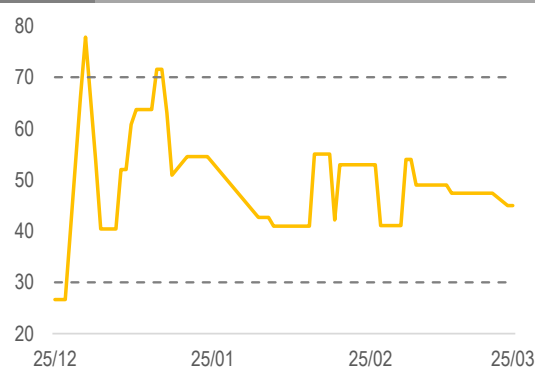
MACD



STOCH(14,3)



RSI(14)



ADX(14)

